

I/ MỤC TIÊU:

1/ Kiến thức:

- Nhận biết được: khái niệm khoa học tự nhiên; phân biệt được hoạt động nào là nghiên cứu khoa học; phân biệt được vật sống và vật không sống; nhận biết được quy tắc an toàn trong phòng thí nghiệm; các bước trong quy trình đo các đại lượng vật lí; cách sử dụng kính lúp, kính hiển vi.
- Nhận biết được đơn vị đo; xác định được GHD và ĐCNN và lựa chọn được dụng cụ đo phù hợp trong các trường hợp đo chiều dài, khối lượng, thời gian, nhiệt độ cụ thể.
- Nhận biết được sự đa dạng của các chất; phân biệt được nóng chảy, đông đặc, bay hơi, ngưng tụ, sôi.
- Nhận biết được một số tính chất của oxygen; tầm quan trọng của oxygen
- Nhận biết được các thành phần và tỉ lệ phần trăm của các thành phần trong không khí.
- Nhận biết được: vai trò của không khí, nguyên nhân gây ô nhiễm không khí, cách bảo vệ môi trường không khí.

2/ Kỹ năng:

- Xác định giới hạn đo và độ chia nhỏ nhất của dụng cụ đo.
- Giải thích các hiện tượng.

3/ Thái độ:

- Nghiêm túc, trung thực trong giờ thi.

II/ MA TRẬN ĐỀ

| Chủ đề | Nhận biết 40% | | Thông hiểu 40% | | Vận dụng 20% | | Tổng |
|------------------------|------------------|----|-------------------|----|-----------------|----|--------------|
| | TN | TL | TN | TL | TN | TL | |
| 1. Mở đầu | 4 | | 4 | | 2 | | 10 |
| | <i>1.0đ</i> | | <i>1.0đ</i> | | <i>0.5đ</i> | | <i>2.5đ</i> |
| 2. Các phép đo | 6 | | 6 | | 3 | | 15 |
| | <i>1.5đ</i> | | <i>1.5đ</i> | | <i>0.75đ</i> | | <i>3.75đ</i> |
| 3. Các thể của chất | 2 | | 2 | | 1 | | 5 |
| | <i>0.5đ</i> | | <i>0.5đ</i> | | <i>0.25đ</i> | | <i>1.25đ</i> |
| 4. Oxygen và không khí | 4 | | 4 | | 2 | | 10 |
| | <i>1.0đ</i> | | <i>1.0đ</i> | | <i>0.5đ</i> | | <i>2.5đ</i> |
| Tổng | 16 | | 16 | | 8 | | 40 |
| | <i>4đ</i> | | <i>4đ</i> | | <i>2đ</i> | | <i>10 đ</i> |

Người ra đề

TTCM duyệt

BGH duyệt

Chọn một đáp án đúng trong các đáp án của mỗi câu hỏi sau:

Câu 1: Khoa học tự nhiên nghiên cứu về

- A. các sự vật, hiện tượng tự nhiên.
- B. các quy luật tự nhiên.
- C. những ảnh hưởng của tự nhiên đến con người và môi trường sống.
- D. các sự vật, hiện tượng, quy luật tự nhiên, những ảnh hưởng của chúng đến cuộc sống con người và môi trường.

Câu 2: Hoạt động nào sau đây là hoạt động nghiên cứu khoa học?

- A. Trồng hoa với quy mô lớn trong nhà kính.
- B. Nghiên cứu vaccin phòng chống virus corona trong phòng thí nghiệm.
- C. Sản xuất muối ăn từ nước biển bằng phương pháp phơi cát.
- D. Vận hành nhà máy thủy điện để sản xuất điện.

Câu 3: Hoạt động nào sau đây **KHÔNG** được xem là nghiên cứu khoa học tự nhiên?

- A. Nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển của động vật.
- B. Nghiên cứu sự lên xuống của thủy triều.
- C. Nghiên cứu sự khác nhau giữa văn hoá Việt Nam và văn hoá Trung Quốc.
- D. Nghiên cứu cách thức sản xuất phân bón hoá học.

Câu 4: Vật nào sau đây gọi là vật không sống?

- A. Cây táo.
- B. Con cá.
- C. Vi khuẩn
- D. Cái tủ

Câu 5: Hành động nào sau đây **KHÔNG** thực hiện đúng quy tắc an toàn trong phòng thực hành?

- A. Làm thí nghiệm theo hướng dẫn của giáo viên.
- B. Làm theo các thí nghiệm xem trên Internet.
- C. Đeo găng tay khi làm thí nghiệm với hoá chất.
- D. Rửa sạch tay sau khi làm thí nghiệm.

Câu 6: Trong quá trình đun nóng hóa chất trong ống nghiệm trên ngọn lửa đèn cồn thì chúng ta

- A. dùng tay để cầm trực tiếp ống nghiệm.
- B. dùng khăn vải để cầm ống nghiệm.
- C. dùng kẹp gỗ để kẹp ống nghiệm.
- D. dùng kim sắt để kẹp ống nghiệm.

Câu 7: Khi không may bị hoá chất ăn da bám lên tay thì bước đầu tiên và cần thiết nhất là phải làm gì?

- A. Đưa ra trung tâm y tế cấp cứu,
- B. Hô hấp nhân tạo.
- C. Lấy lá cây thuốc bỏng ép vào.
- D. Cởi bỏ phần quần áo dính hoá chất, xả tay dưới vòi nước sạch ngay lập tức.

Câu 8: Dụng cụ nào sau đây **KHÔNG PHẢI** là dụng cụ đo?

- A. Đồng hồ
- B. Kim tiêm
- C. Thước
- D. Cân

Câu 9: Để quan sát các vật thể có kích thước nhỏ bé mà mắt thường không thể nhìn thấy, ta dùng:

- A. kính hiển vi
- B. kính cận
- C. kính lão
- D. kính lúp

Câu 10: Để quan sát rõ hơn các vật thể có kích thước nhỏ mà mắt thường khó quan sát, ta dùng:

- A. kính hiển vi
- B. kính cận
- C. kính lão
- D. kính lúp

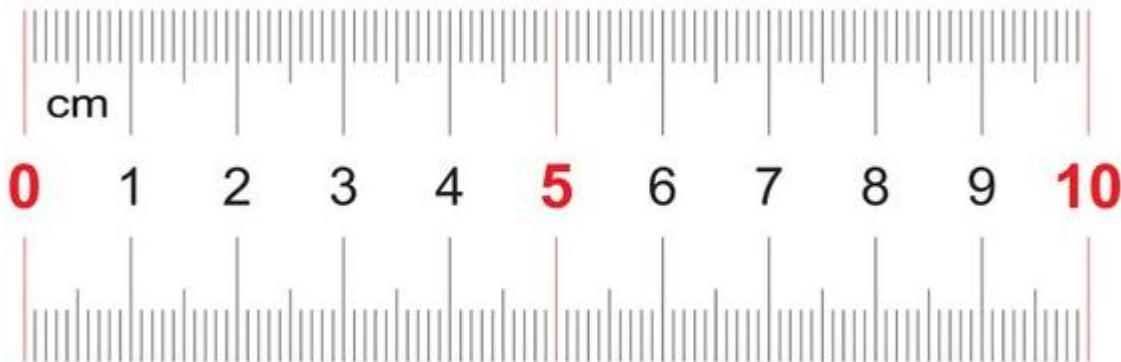
Câu 11: Đơn vị đo độ dài trong hệ thống đo lường chính thức ở nước ta là

- A. đêximét (dm). B. mét (m). C. Centimét (cm). D. milimét (mm).

Câu 12: Giới hạn đo của một thước là

- A. Chiều dài lớn nhất ghi trên thước.
B. Chiều dài nhỏ nhất ghi trên thước.
C. Chiều dài giữa hai vạch liên tiếp trên thước.
D. Chiều dài giữa hai vạch chia nhỏ nhất trên thước.

Câu 13: Hãy cho biết giới hạn đo và độ chia nhỏ nhất của thước kẻ trong hình sau:



- A. Giới hạn đo là 10cm và độ chia nhỏ nhất là 1mm.
B. Giới hạn đo là 10cm và độ chia nhỏ nhất là 1cm.
C. Giới hạn đo là 10mm và độ chia nhỏ nhất là 1mm.
D. Giới hạn đo là 1cm và độ chia nhỏ nhất là 1mm.

Câu 14: Đơn vị đo khối lượng trong hệ thống đo lường chính thức ở nước ta là

- A. tấn. B. miligam. C. kilôgam. D. gam.

Câu 15: Trên vỏ một hộp kẹo có ghi 350g, con số này có ý nghĩa gì?

- A. Khối lượng kẹo trong hộp. B. Khối lượng cả kẹo trong hộp và vỏ hộp,
C. Sức nặng của hộp kẹo. D. Thể tích của hộp kẹo.

Câu 16: Có 2 túi gạo, ban đầu mỗi túi có khối lượng 5kg, sau đó người ta cho thêm mỗi túi 5 lạng gạo nữa. Khối lượng của 2 túi gạo khi đó là bao nhiêu?

- A. 11kg. B. 10 kg. C. 12kg. D. 13 kg.

Câu 17: Đơn vị đo thời gian trong hệ thống đo lường chính thức ở nước ta là

- A. tuần. B. ngày. C. giây. D. giờ.

Câu 18: Khi đo nhiều lần thời gian chạy 60m của một vận động viên mà thu được nhiều giá trị khác nhau, thì giá trị nào sau đây được lấy làm kết quả của phép đo?

- A. Giá trị của lần đo cuối cùng.
B. Giá trị trung bình của giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất.
C. Giá trị trung bình của tất cả các giá trị đo được.
D. Giá trị được lặp lại nhiều lần nhất,

Câu 19: Trước khi đo thời gian của một hoạt động ta thường ước lượng khoảng thời gian của hoạt động đó để

- A. lựa chọn đồng hồ đo phù hợp. B. đặt mắt đúng cách.
C. đọc kết quả đo chính xác. D. hiệu chỉnh đồng hồ đúng cách.

TRƯỜNG THCS NGỌC THỤY
NHÓM KHTN 6

ĐỀ 02

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I
MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6

Năm học: 2021 – 2022

Ngày thi: 09/11/2021

Thời gian làm bài: 90 phút

Chọn một đáp án đúng trong các đáp án của mỗi câu hỏi sau:

Câu 1: Khoa học tự nhiên nghiên cứu về

- A. các sự vật, hiện tượng tự nhiên.
- B. các quy luật tự nhiên.
- C. những ảnh hưởng của tự nhiên đến con người và môi trường sống.
- D. các sự vật, hiện tượng, quy luật tự nhiên, những ảnh hưởng của chúng đến cuộc sống con người và môi trường.

Câu 2: Hoạt động nào sau đây là hoạt động nghiên cứu khoa học?

- A. Trồng hoa với quy mô lớn trong nhà kính.
- B. Nghiên cứu vaccin phòng chống virus corona trong phòng thí nghiệm.
- C. Sản xuất muối ăn từ nước biển bằng phương pháp phơi cát.
- D. Vận hành nhà máy thủy điện để sản xuất điện.

Câu 3: Hoạt động nào sau đây **KHÔNG** được xem là nghiên cứu khoa học tự nhiên?

- A. Nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển của động vật.
- B. Nghiên cứu sự lên xuống của thủy triều.
- C. Nghiên cứu sự khác nhau giữa văn hoá Việt Nam và văn hoá Trung Quốc.
- D. Nghiên cứu cách thức sản xuất phân bón hoá học.

Câu 4: Vật nào sau đây gọi là vật không sống?

- A. Cây táo.
- B. Con cá.
- C. Vi khuẩn
- D. Cái tủ

Câu 5: Hành động nào sau đây **KHÔNG** thực hiện đúng quy tắc an toàn trong phòng thực hành?

- A. Làm thí nghiệm theo hướng dẫn của giáo viên.
- B. Làm theo các thí nghiệm xem trên Internet.
- C. Đeo găng tay khi làm thí nghiệm với hoá chất.
- D. Rửa sạch tay sau khi làm thí nghiệm.

Câu 6: Trong quá trình đun nóng hóa chất trong ống nghiệm trên ngọn lửa đèn cồn thì chúng ta

- A. dùng tay để cầm trực tiếp ống nghiệm.
- B. dùng khăn vải để cầm ống nghiệm.
- C. dùng kẹp gỗ để kẹp ống nghiệm.
- D. dùng kim sắt để kẹp ống nghiệm.

Câu 7: Khi không may bị hoá chất ăn da bám lên tay thì bước đầu tiên và cần thiết nhất là phải làm gì?

- A. Đưa ra trung tâm y tế cấp cứu,
- B. Hô hấp nhân tạo.
- C. Lấy lá cây thuốc bỏng ép vào.
- D. Cởi bỏ phần quần áo dính hoá chất, xả tay dưới vòi nước sạch ngay lập tức.

Câu 8: Dụng cụ nào sau đây **KHÔNG PHẢI** là dụng cụ đo?

- A. Đồng hồ
- B. Kim tiêm
- C. Thước
- D. Cân

Câu 9: Để quan sát các vật thể có kích thước nhỏ bé mà mắt thường không thể nhìn thấy, ta dùng:

- A. kính hiển vi
- B. kính cận
- C. kính lão
- D. kính lúp

Câu 10: Để quan sát rõ hơn các vật thể có kích thước nhỏ mà mắt thường khó quan sát, ta dùng:

A. kính hiển vi

B. kính cận

C. kính lão

D. kính lúp

Câu 11: Đơn vị đo độ dài trong hệ thống đo lường chính thức ở nước ta là

A. đêximét (dm).

B. mét (m).

C. Centimét (cm).

D. milimét (mm).

Câu 12: Giới hạn đo của một thước là

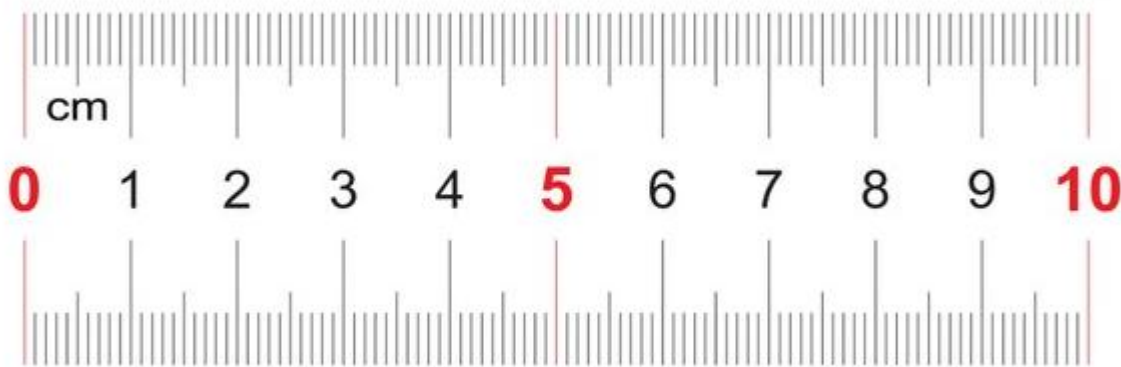
A. Chiều dài lớn nhất ghi trên thước.

B. Chiều dài nhỏ nhất ghi trên thước.

C. Chiều dài giữa hai vạch liên tiếp trên thước.

D. Chiều dài giữa hai vạch chia nhỏ nhất trên thước.

Câu 13: Hãy cho biết giới hạn đo và độ chia nhỏ nhất của thước kẻ trong hình sau:



A. Giới hạn đo là 10cm và độ chia nhỏ nhất là 1mm.

B. Giới hạn đo là 10cm và độ chia nhỏ nhất là 1cm.

C. Giới hạn đo là 10mm và độ chia nhỏ nhất là 1mm.

D. Giới hạn đo là 1cm và độ chia nhỏ nhất là 1mm.

Câu 14: Đơn vị đo khối lượng trong hệ thống đo lường chính thức ở nước ta là

A. tấn.

B. miligam.

C. kilôgam.

D. gam.

Câu 15: Trên vỏ một hộp sữa bột có ghi 900g, con số này có ý nghĩa gì?

A. Khối lượng sữa trong hộp.

B. Khối lượng cả sữa trong hộp và vỏ hộp.

C. Sức nặng của hộp sữa.

D. Thể tích của hộp sữa.

Câu 16: Có 2 túi muối, ban đầu mỗi túi có khối lượng 1kg, sau đó người ta cho thêm mỗi túi 1 lạng muối nữa. Khối lượng của 2 túi muối khi đó là bao nhiêu?

A. 2kg.

B. 2,2 kg.

C. 2,4 kg.

D. 2,6 kg.

Câu 17: Đơn vị đo thời gian trong hệ thống đo lường chính thức ở nước ta là

A. tuần.

B. ngày.

C. giây.

D. giờ.

Câu 18: Khi đo nhiều lần thời gian chạy 60m của một vận động viên mà thu được nhiều giá trị khác nhau, thì giá trị nào sau đây được lấy làm kết quả của phép đo?

A. Giá trị của lần đo cuối cùng.

B. Giá trị trung bình của giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất.

C. Giá trị trung bình của tất cả các giá trị đo được.

D. Giá trị được lặp lại nhiều lần nhất.

Câu 19: Trước khi đo thời gian của một hoạt động ta thường ước lượng khoảng thời gian của hoạt động đó để

A. lựa chọn đồng hồ đo phù hợp.

B. đặt mắt đúng cách.

C. đọc kết quả đo chính xác.

D. hiệu chỉnh đồng hồ đúng cách.

Câu 20: Loại cân thích hợp để sử dụng cân vàng, bạc ở các tiệm vàng là

A. cân tạ

B. cân đòn

C. cân đồng hồ

D. cân tiểu li

Câu 21: Nguyên nhân nào sau đây gây ra sai số khi đo thời gian của một hoạt động?

A. Hiệu chỉnh đồng hồ đúng cách trước khi đo.

B. Đặt mắt vuông góc với mặt đồng hồ.

C. Đọc kết quả chậm.

D. Chọn đồng hồ phù hợp.

Câu 22: Phát biểu nào sau đây **KHÔNG** đúng?

A. Chất lỏng co lại khi lạnh đi.

B. Độ dẫn nở vì nhiệt của các chất lỏng khác nhau là như nhau.

C. Khi nhiệt độ thay đổi thì thể tích chất lỏng thay đổi.

D. Chất lỏng nở ra khi nóng lên.

Câu 23: Để đo nhiệt của nước sôi, người ta dùng

A. nhiệt kế y tế.

B. nhiệt kế hồng ngoại.

C. nhiệt kế rượu.

D. nhiệt kế thủy ngân.

Câu 24: Nguyên nhân nào dưới đây được sử dụng để chế tạo nhiệt kế thường dùng?

A. Dẫn nở vì nhiệt của chất khí.

B. Dẫn nở vì nhiệt của chất lỏng.

C. Hiện tượng nóng chảy của các chất.

D. Thay đổi màu sắc của một vật theo nhiệt độ.

Câu 25: Để đo thời gian chạy 100m của vận động viên, loại đồng hồ thích hợp nhất là

A. đồng hồ để bàn

B. đồng hồ bấm giây

C. đồng hồ treo tường

D. đồng hồ cát

Câu 26: Đặc điểm cơ bản để phân biệt vật thể nhiên và vật thể nhân tạo là

A. vật thể nhân tạo đẹp hơn vật thể tự nhiên.

B. vật thể nhân tạo do con người tạo ra.

C. vật thể tự nhiên làm từ chất.

D. vật thể nhân tạo làm từ vật liệu.

Câu 27: Đặc điểm cơ bản để phân biệt vật thể vô sinh và vật thể hữu sinh là:

A. vật thể vô sinh không xuất phát từ cơ thể sống, vật thể hữu sinh xuất phát từ cơ thể sống.

B. vật thể vô sinh không có các đặc điểm như trao đổi chất và năng lượng, sinh trưởng và phát triển, sinh sản, cảm nghĩ, còn vật thể hữu sinh có các đặc điểm trên.

C. vật thể vô sinh là vật thể đã chết, vật thể hữu sinh là vật thể còn sống.

D. vật thể vô sinh là vật thể không có khả năng sinh sản, vật thể hữu sinh luôn luôn sinh sản.

Câu 28: Các chất xung quanh chúng ta tồn tại ở

A. thể khí

B. thể lỏng

C. thể rắn

D. ba thể cơ bản: rắn, lỏng, khí (hơi)

Câu 29: Sự đông đặc là

A. quá trình chuyển từ thể rắn sang thể lỏng

B. quá trình chuyển từ thể lỏng sang thể khí

C. quá trình chuyển từ thể khí sang thể lỏng

D. quá trình chuyển từ thể lỏng sang thể rắn

Câu 30: Hiện tượng nào sau đây là sự ngưng tụ?

A. Kem tan chảy

B. Nước đọng trên kính trong nhà tắm

C. Nước đang sôi D. Cho nước vào ngăn đá tủ lạnh sau một thời gian bị đông đá.

Câu 31: Chất nào sau đây chiếm tỉ lệ thể tích lớn nhất trong không khí?

A. Oxygen. B. Hydrogen C. Nitrogen. D. Carbon dioxide

Câu 32: Oxygen chiếm tỉ lệ thể tích trong không khí là

A. 49%. B. 21%. C. 78%. D. 1%.

Câu 33: Quá trình nào cần sử dụng oxygen?

A. Quang hợp. B. Đập tắt đám cháy C. Nóng chảy. D. Hô hấp.

Câu 34: Chất nào sau đây duy trì sự cháy?

A. Oxygen. B. Hydrogen. C. Nitrogen. D. Carbon dioxide.

Câu 35: Oxygen có tính chất nào sau đây?

A. Ở điều kiện thường oxygen là khí không màu, không mùi, không vị, tan ít trong nước, nhẹ hơn không khí.

B. Ở điều kiện thường oxygen là khí không màu, không mùi, không vị, tan ít trong nước, nặng hơn không khí.

C. Ở điều kiện thường oxygen là khí màu trắng, không mùi, không vị, tan ít trong nước, nhẹ hơn không khí.

D. Ở điều kiện thường oxygen là khí không màu, không mùi, không vị, tan nhiều trong nước, nặng hơn không khí.

Câu 36: Chất nào sau đây chiếm khoảng 78 % thể tích không khí?

A. Nitrogen. B. Oxygen. C. Sunfur dioxide. D. Carbon dioxide.

Câu 37: Chất nào sau đây dùng để dập tắt đám cháy ?

A. Oxygen. B. Hydrogen. C. Nitrogen. D. Carbon dioxide.

Câu 38: Chất nào sau đây chiếm khoảng 0,03 % thể tích không khí?

A. Nitrogen. B. Oxygen. C. Sunfur dioxide. D. Carbon dioxide.

Câu 39: Để phân biệt 2 chất khí là oxygen và carbon dioxide, em nên lựa chọn cách nào dưới đây?

A. Quan sát màu sắc của 2 khí đó.

B. Ngửi mùi của 2 khí đó.

C. Oxygen duy trì sự sống và sự cháy.

D. Dẫn từng khí vào cây nến đang cháy, khí nào làm nến cháy tiếp thì đó là Oxygen, khí làm tắt nến là carbon dioxide.

Câu 40: Người ta phải bơm sục khí oxygen vào bể nuôi cá cảnh là vì:

A. Oxygen nặng hơn không khí.

B. Oxygen không màu, không mùi, không vị.

C. Oxygen tan ít trong nước.

D. Oxygen duy trì sự cháy.

-----*Hết*-----

TRƯỜNG THCS NGỌC THỤY
NHÓM KHTN 6

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II
MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6

Năm học: 2021 – 2022

Ngày thi: 09/11/2021

Thời gian làm bài: 90 phút

ĐỀ 01

| | | | | | | | | | | |
|------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| Đ.án | D | B | C | D | B | C | D | B | A | D |
| Câu | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| Đ.án | B | A | A | C | A | A | C | C | A | D |

| | | | | | | | | | | |
|------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
| Câu | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 |
| Đ.án | C | B | D | B | B | B | B | D | A | B |
| Câu | 31 | 32 | 33 | 34 | 35 | 36 | 37 | 38 | 39 | 40 |
| Đ.án | C | B | D | A | B | A | D | D | D | B |

ĐỀ 02

| | | | | | | | | | | |
|------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| Đ.án | D | B | C | D | B | C | D | B | A | D |
| Câu | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| Đ.án | B | A | A | C | A | B | C | C | A | D |

| | | | | | | | | | | |
|------|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
| Câu | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 |
| Đ.án | C | B | D | B | B | B | B | D | D | B |
| Câu | 31 | 32 | 33 | 34 | 35 | 36 | 37 | 38 | 39 | 40 |
| Đ.án | C | B | D | A | B | A | D | D | D | C |

Mỗi câu đúng được 0,25đ